

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc C; nơi cư trú: Số 151 PBC, phường PBC, quận Hồng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thanh N; nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Số 151 PBC, phường PBC, quận Hồng, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Malaysia. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Vũ Ngọc C trình bày:

Anh kết hôn với chị Hoàng Thị Thanh N trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường PBC, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2002. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2011

thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung. Anh chị đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn song không đạt kết quả. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Anh chỉ biết chị N đang sinh sống, lao động ở Malaysia còn địa chỉ cụ thể thì anh không biết. Chị N thường xuyên liên lạc với mẹ chị là bà Trần Thị T, sinh năm 1960, địa chỉ: Khu dân cư Thanh Toàn, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Nay, anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị N để anh nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Vũ Hoàng T1, sinh ngày 24/11/1999, Vũ Hoàng D, sinh ngày 27/8/2003 và Vũ Hoàng Ánh V, sinh ngày 18/3/2008. Cháu Tiến đã trưởng thành, không cần phải nuôi dưỡng. Từ nhỏ các con chung đều ở với anh C. Ly hôn, anh C đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Hoàng D và Vũ Hoàng Ánh V. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh xin tự giải quyết với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xin giải quyết về tài sản chung với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Hoàng Thị Thanh N:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho mẹ chị là bà Trần Thị T. Tòa án đã 2 lần thông báo cho bà Trần Thị T cung cấp địa chỉ của chị N ở Malaysia và yêu cầu bà cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho chị N để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị T thể hiện: Chị N vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể chị N ở Malaysia. Bà **đã thông báo cho chị N về yêu cầu của Tòa án**. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không có ý kiến gì về việc anh C xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không có quan điểm gì nên chị không gửi lời khai về cho Tòa án. Gia đình chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Vũ Ngọc Trung và chị Hoàng Thị Thanh N đều vắng mặt và anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của anh C thể hiện anh vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Hoàng Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên

đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Vũ Ngọc C và chị Hoàng Thị Thanh N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường PBC, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C. Về con chung: Giao cả hai con chung Vũ Hoàng D, sinh ngày 27/8/2003 và Vũ Hoàng Ánh V, sinh ngày 18/3/2008 cho anh Vũ Ngọc C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh C xin tự giải quyết với chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh C xin tự giải quyết với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Hoàng Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Malaysia), nguyên đơn anh Vũ Ngọc C sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vũ Ngọc C và chị Hoàng Thị Thanh N đều vắng mặt, anh Vũ Ngọc C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị Thanh N: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị N vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc C và chị Hoàng Thị Thanh N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường PBC, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau. Anh chị đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn song không đạt kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu

thuần vợ chồng anh C và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Vũ Ngọc C.

[4] Về con chung: Anh Vũ Ngọc C và chị Hoàng Thị Thanh N có ba con chung là: Vũ Hoàng T1, sinh ngày 24/11/1999, Vũ Hoàng D, sinh ngày 27/8/2003 và Vũ Hoàng Ánh V, sinh ngày 18/3/2008. Xét thấy, cháu Tiến đã trưởng thành, không cần phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Dũng và cháu Vy: Anh C, cháu Dũng và cháu Vy đều có nguyện vọng để cho cháu các cháu ở với Cường. Từ nhỏ các cháu ở với anh C, gia đình chị N có quan điểm các cháu muốn ở với anh C hay chị N là quyền của các cháu. Mặt khác, chị N đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc các con chung. Do đó, cần giao các con chung cho anh Trung chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C xin tự giải quyết với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Vũ Ngọc C không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Hoàng Thị Thanh N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Ngọc C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc C được ly hôn chị Hoàng Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao các con chung là Vũ Hoàng D, sinh ngày 27/8/2003 và Vũ Hoàng Ánh V, sinh ngày 18/3/2008 cho anh Vũ Ngọc C nuôi dưỡng đến khi

đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Ngọc C không yêu cầu giải quyết, anh xin tự giải quyết với chị Hoàng Thị Thanh N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Vũ Ngọc C không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Hoàng Thị Thanh N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Ngọc C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0019108 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Ngọc C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Ngọc C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Hoàng Thị Thanh N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường PBC, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyền

